

Bản án số: 269/2021/DS-PT
Ngày: 17 - 5 - 2021
V/v tranh chấp thừa kế; hủy quyết
định cá biệt; tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 650/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2020/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2021/QĐPT ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1948

Địa chỉ: 241/9H Đ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Lầu 4 Số 135A P, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Ngô Cảnh T, chết năm 2010. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: 45/24 ấp An Thạnh, xã Long Thời, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Dương Thị Thu H2, sinh năm 1964

- Ông Kevil Ngô Thế V, sinh năm 1992

- Ông Kieran Ngô Vinh Q, sinh năm 1996

- Ông Kenneth Ngô Trung C, sinh năm 2002, do bà Dương Thị Thu H2 là người đại diện theo pháp luật

Cùng địa chỉ: 366 Cabramatta Rd, Cabramatta, NSW 2166 Australia.

2. *Bị đơn*: Ông Ngô Công A, sinh năm 1925 (có mặt)

Địa chỉ: C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Ngô Cảnh P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Min 287493 Goulburn, Correctional-Center, Po Box 264 Goulurn, NSW 2580 Australia.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Lầu 4 Số 135A P, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1952

Địa chỉ: 1313 Hartford Tpk, North Haven, CT. 06473 USA

Đại diện ủy quyền: Bà Phạm Thị Phương Th (có mặt)

Địa chỉ: 134/15 L, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Trần Thị O, sinh năm 1953 (có mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

3.5. Ông Trần Kim H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Bà Trần Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 45/24 Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.7. Ngân hàng X

Địa chỉ: Số 2 L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng X chi nhánh Nhà Bè.

Địa chỉ: 18 H, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của Ngân hàng X chi nhánh Nhà bè: Ông Trần Văn K, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 18 H, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Công ty TNHH Sản xuất Giày P

Địa chỉ: C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Công A, sinh năm 1925 (có mặt)

Địa chỉ: C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Công ty TNHH giáo dục D

Địa chỉ: Số 12 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đan D2, sinh năm 1980

Đại diện ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu H (có mặt)

Địa chỉ: 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10. Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T

Địa chỉ: 117 L, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị O, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Huy K – Phòng Quản lý sử dụng đất (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị T - Phòng Quản lý sử dụng đất (có mặt)

Địa chỉ: 63 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Ủy ban nhân dân huyện B

Địa chỉ: 349 Tân Túc, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền:

- Ông Nguyễn Tấn Tr – Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng (có mặt)

- Ông Nguyễn Trường D - Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng (có mặt)

Địa chỉ: 349 T, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B

Địa chỉ: 349 T, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền:

- Ông Nguyễn Tấn Tr – Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng (có mặt)

- Ông Nguyễn Trường D - Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng (có mặt)

Địa chỉ: 349 T, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.14. Chi cục thuế huyện B

Địa chỉ: Số 3 Đường số 4, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Hồ Phước T (có mặt)

Địa chỉ: Số 3 Đường số 4, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. Ủy ban nhân dân xã B

Địa chỉ: C5/36 Trịnh Như Kh, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thúy K (vắng mặt)

Địa chỉ: C5/36 Trịnh Như Kh, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.16. Tổng công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 4,5,6 Tòa nhà MITTEC, Khu đô thị mới C, phường Y, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 7 đường 990, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph, bị đơn ông Ngô Công A và Ngân hàng X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, tại các biên bản hòa giải, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph có bà Nguyễn Thị U là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 là vợ chồng, sống chung với nhau có 02 người con là ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T. Bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Nguyễn Minh L là con riêng của bà Phạm Thị H3. Trong quá trình chung sống thì ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 có tạo lập được các tài sản chung là: Nhà đất 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Nhà đất tại số C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/03/2001, bà Phạm Thị H3 qua đời không để lại di chúc. Tháng 05/2001, ông Ngô Công A đã tự ý khai man hồ sơ thừa kế (chỉ có ông A và ông T là con duy nhất của ông A, bà H3) và sau đó ông A tự ý mang nhà đất 30-32 T đi bảo lãnh cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P vay vốn theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ký ngày 25/09/2002 giữa Ngân hàng X Chi nhánh Nhà Bè, ông Ngô Công A và Công ty TNHH SX Giày P mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế còn lại của bà Phạm Thị H3 (ông P, ông L, bà Ph, ông T). Và từ năm 2002 cho đến nay ông A cho Công ty TNHH giáo dục D thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để làm trường học. Tháng 8, 9 năm 2001, ông Ngô Công A đã tự ý tiến hành các thủ tục khai man đền bù không để đưa toàn bộ diện tích nhà đất (40.478m²) tại C2/29 vào Công ty TNHH Sản xuất Giày P do ông Ngô Công A là thành viên sở

hữu 80,80% vốn điều lệ mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 (ông P, ông L, bà Ph, ông T).

Về nguồn gốc nhà đất tại 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh: Toàn bộ nhà đất tại 30-32 T là tài sản chung của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 theo Giấy phép kèm theo chứng thư số 230/TK-BT ngày 08/4/1972; Trích sao diên thổ số 1095/TS-TTĐK ngày 05/06/2008 của Trung tâm thông tin tài nguyên môi trường và Đăng ký nhà đất...

Về nguồn gốc nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: Toàn bộ nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 theo theo Bằng khoán diên thổ số 122 thuộc sổ diên thổ Bình Chánh trước năm 1975. Năm 1986, ông A và bà H3 đã mang một phần nhà đất tại C2/29 nêu trên để góp vốn với Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 141/QĐ-UB ngày 02/10/1986 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1996, ông A và bà H3 đã hoàn tất các thủ tục mua lại phần toàn bộ nhà xưởng của Công ty Lương thực Thành phố trên nhà đất mà ông A, bà H3 đã góp vốn trước đây theo Quyết định số 2606; Biên bản bàn giao ngày 18/11/1996 và Hóa đơn số 12762 ngày 20/11/1996 và trong toàn bộ 40.478m² thì có 9.747 m² đất (gồm thửa số 10, 11, 12) tại C2/29 ấp 3, xã B, huyện B bà Phạm Thị H3 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 940/QSĐĐ ngày 12/12/1998 công nhận quyền sở hữu. Phần còn lại của 40.478m² là đất thổ tập trung nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 8, tháng 9 năm 2001 (cụ thể là ngày 01/08/2001 và ngày 11/09/2001) ông Ngô Công A tự ý tiến hành các thủ tục khai man đền bù không để đưa toàn bộ diện tích nhà đất (40.478m²) tại C2/29 vào Công ty P do ông Ngô Công A là thành viên sở hữu 80,80% vốn điều lệ mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Trên cơ sở hồ sơ đền bù không của ông Ngô Công A (đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận chữ ký của ông Ngô Công A vào ngày 15/08/2001 và ngày 18/09/2001) như đã nêu trên, thì ngày 06/12/2001 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 8233/QĐ-UB nhằm thu hồi toàn bộ nhà đất (40.478m²) để giao cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P sử dụng 32.037m² + 8.441m² làm đường giao thông (diện tích đất thực tế Công ty P đang quản lý sử dụng hiện nay là 39.297,8m² theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Văn phòng Quận 2 - Quận 7) đo vẽ ngày 31/7/2018 và được kiểm tra nội nghiệp vào ngày 01/08/2018) theo yêu cầu của Tòa án.

Nay bà Nguyễn Thị Minh Ph có bà Nguyễn Thị U đại diện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Công nhận nhà đất tại 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3;

2. Chia di sản thừa kế nhà đất 30-32 T cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 theo quy định của pháp luật, cụ thể: bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T, Ngô Công A mỗi người

được hưởng 10% tổng giá trị; ông Ngô Công A được hưởng 60% tổng giá trị nhà đất tại 30-32 T;

3. Chia phần lợi tức từ việc cho thuê nhà đất 30-32 T từ năm 2002 đến nay tạm tính đến ngày 20/12/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 566.200 USD (Năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm Đô la Mỹ) tương đương với 13.099.037.000 đồng (Mười ba tỷ không trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng), mỗi người được hưởng 01 (một) phần tương đương với 10% tổng số tiền cho thuê nhà, tạm tính là: 56.620 USD tương đương với 1.309.903.700 đồng (tỷ giá 1USD = 23.135 VNĐ).

4. Xem xét tuyên vô hiệu và hủy Hợp đồng số 02190093/TCBL ký ngày 25/09/2002 giữa Ngân hàng X, Ông Ngô Công A, Công ty TNHH SX Giày P và do cá nhân ông Ngô Công A tự khai man và bảo lãnh cho Công ty P nên cá nhân ông Ngô Công A phải tự chịu trách nhiệm với ngân hàng theo quy định của pháp luật, không liên quan đến các đồng thừa kế khác;

5. Ưu tiên cho bà Ph được nhận nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ph sẽ thanh toán lại cho các đồng thừa kế còn lại sau khi đã trừ đi các khoản mà đồng thừa kế khác phải chịu (cụ thể, bà Ph sẽ thanh toán lại cho ông Ngô Công A phần sở hữu và giá trị phần thừa kế mà ông A được hưởng của bà Phạm Thị H3 sau khi trừ đi khoản tiền mà ông A phải trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002 và khoản tiền cho thuê nhà đất 30-32 T mà ông A đã thu nay phải trả lại cho các đồng thừa kế).

6. Tuyên hủy Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Công nhận quyền sở hữu của toàn bộ diện tích nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B là tài sản chung của ông Ngô Công A và các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3;

8. Chia tài sản là nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích thực tế hiện nay là 39.297,8m² sau khi trừ lộ giới và trừ diện tích bị thu hồi của Dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành hiện còn khoảng 29.976,7m²) cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 theo quy định của pháp luật (ông Ngô Công A được hưởng 60% tổng giá trị; các đồng thừa kế khác là bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 10% tổng giá trị);

9. Chia tiền bồi thường của 9.140m² đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi do dự án Bến Lức – Long Thành, cụ thể:

– Cho các đồng thừa kế được nhận số tiền bồi thường của 2.624,9m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện B, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện B đã tính toán và áp giá bồi thường theo giá đất nhà xưởng.

– 6.515,1m² đất nằm trong 9.140m² đất bị thu hồi, bà Ph đề nghị Tòa án xác định loại đất bồi thường hỗ trợ cho 6.515,1m² đất này là đất nhà xưởng hoặc thổ cư và tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B áp giá bồi thường hỗ trợ 6.151,1m² đất theo giá đất ở hoặc giá đất nhà xưởng cho gia đình bà Ph.

10. Ưu tiên cho ông Ngô Công A được nhận nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và ông A có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế phần giá trị nhà đất theo biên bản định giá ngày 27/04/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 trong vòng 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu sau 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông A không nhận đất và không thanh toán lại cho các đồng thừa kế còn lại thì bà Nguyễn Thị Minh Ph sẽ nhận đất và thanh toán lại cho ông A và các đồng thừa kế còn lại trong vòng 45 ngày kể từ ngày ông A không nhận. Nếu sau 90 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà cả ông A và bà Ph đều không nhận đất, không thanh toán được số tiền cho các đồng thừa kế còn lại thì đề nghị căn cứ vào Điều 685 Bộ Luật dân sự cũ (660 Bộ luật dân sự mới) phát mãi toàn bộ nhà đất tại số C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và ưu tiên thanh toán cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph không đồng ý yêu cầu độc lập của Ngân hàng X vì ông A tự khai man hồ sơ và tự bảo lãnh cho Công ty P mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Vì vậy ông A phải tự chịu trách nhiệm cá nhân cho khoản bảo lãnh của mình với Ngân hàng, không liên quan gì đến các đồng thừa kế. Hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông A cũng đã đồng ý trả nợ cho ngân hàng, nên bà Ph không đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm nhà đất số 30-32 T của Ngân hàng X.

- Bà Nguyễn Thị Minh Ph cũng đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng tại Nhà đất C2/29 vì toàn bộ phần nhà xưởng này Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T mua lại của Công ty TNHH Sản xuất Giày P vào năm 2011, theo Hợp đồng thì Công ty T phải tháo dỡ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày mua.

- Bà Nguyễn Thị Minh Ph không yêu cầu đo vẽ, định giá lại các tài sản và đồng ý giá của các tài sản theo biên bản định giá ngày 27/04/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Minh Ph xin rút lại yêu cầu chia phần tiền lãi phát sinh của số tiền cho thuê nhà đất số 30-32 T từ năm 2002 đến nay.

Bị đơn ông Ngô Công A trình bày:

Ông xác nhận trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ trong gia đình ông và bà Phạm Thị H3 là đúng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông A có ý kiến như sau:

Về tài sản chung của ông và bà Phạm Thị H3 thì không đúng như nguyên đơn trình bày. Tài sản chung của ông và bà H3 chỉ có căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên ông Ngô Công A không đồng ý chia căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vì bà Ph là con riêng của bà H3, khi bà H3 chết ông A đã nuôi dưỡng, cho bà Ph đi du học. Nay bà Ph lại đi kiện là ông không đồng ý.

Về yêu cầu chia lợi tức phát sinh và tiền lãi phát sinh của số tiền thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến nay theo lãi suất Ngân hàng nhà nước 9%/năm: Ông không đồng ý yêu cầu này của nguyên đơn bởi vì số tiền lợi tức phát sinh từ tiền cho thuê nhà sau khi bà H3 mất ông phải sử dụng số tiền cho thuê căn nhà để trang trải cuộc sống hằng ngày vì ông đã tuổi cao sức yếu không có nguồn thu nhập.

Về yêu cầu chia nhà đất tại địa chỉ số C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh: Nguồn gốc phần đất này do ông và bà H3 tạo lập. Năm 2001 Công ty TNHH Giày P đã làm thủ tục bồi thường và đền bù cho gia đình ông (có ông làm đại diện ký và nhận tiền bồi thường của Công ty P) và đã bị nhà nước thu hồi theo đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính – nhà đất tại Công văn số 12943/CV-GTĐ ngày 19/11/2001 và đã giao cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P theo Quyết định số 8233 ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về yêu cầu Hủy quyết định số 8233 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông không đồng ý hủy vì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giao phần đất này cho Công ty P. Hiện nay Công ty P làm ăn thua lỗ còn nợ Ngân hàng X.

Về yêu cầu hủy hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp là căn nhà đất 30-32 T giữa Ngân hàng X, ông Ngô Công A và Công ty TNHH Giày P: Ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng X nhưng đề nghị Ngân hàng và Tòa án xem xét cho ông được miễn trả lãi vì ông đã già yếu không có thu nhập.

Ông thống nhất đồng ý với giá của căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tại địa chỉ số C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản định giá ngày 27/4/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Minh L có bà Phạm Thị Phương Th là đại diện theo ủy quyền xác nhận lời trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Ông L không đồng ý với yêu cầu độc lập của Ngân hàng X, đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Công A phải chịu trách nhiệm cá nhân về khoản nợ với ngân hàng.

Công ty TNHH Sản xuất Giày P có ông Ngô Công A là đại diện trình bày: Công ty P có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng X. Ông Ngô Công A có dùng

tài sản là nhà đất 30-32 T để bảo lãnh thế chấp cho khoản vay của Công ty P. Hiện nay Công ty P không Aồn tài sản, không hoạt động và không Aó khả năng thanh toán cho Ngân hàng nên vẫn còn đang nợ Ngân hàng. Ông Ngô Công A đồng ý trả nợ thay cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P, tuy nhiên ông đề nghị Tòa án và Ngân hàng xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho ông vì ông đã già yếu không Aó nguồn thu nhập để trả nợ.

Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T có bà Trần Thị O đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty T không Aó ý kiến gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì của Công ty trong vụ án này, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng về toàn bộ nhà xưởng trên đất tại C2/29 thì Công ty T cam kết sẽ tháo dỡ toàn bộ sau khi bản án có hiệu lực. Tuy nhiên, nếu các đồng thừa kế (ông A hoặc bà Ph) nhận nhà đất tại C2/29 thì đề nghị người nhận nhà đất cho bà nhận lại số tiền bà đã mua nhà xưởng của Công ty P trước đây, bà sẽ bàn giao nhà xưởng cho các đồng thừa kế. Hoặc nếu có phát mãi nhà đất tại C2/29 thì bà O xin được bàn giao nhà xưởng để phát mãi cùng với nhà đất tại C2/29, bà O xin được nhận lại số tiền phát mãi nhà xưởng.

Ngân hàng X có ông Trần Văn K đại diện trình bày: Ngày 26/9/2002, Ngân hàng X có ký hợp đồng tín dụng số 02190093/HĐTD với Công ty TNHH Sản xuất Giày P do ông Ngô Cảnh T ký để vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 27/9/2002. Để đảm bảo khoản vay trên Công ty TNHH Sản xuất Giày P và ông Ngô Công A có ký hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ngày 25/9/2002 với Ngân hàng là căn nhà số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến ngày 19/12/2018 Công ty còn nợ hợp đồng tín dụng này là 9.688.949.118 đồng (trong đó nợ gốc 2.676.430.000 đồng và nợ lãi là 7.012.519.118 đồng).

Ngày 19/12/2018, Ngân hàng X có đơn yêu cầu độc lập đề nghị ông Ngô Công A phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tài sản thế chấp của bên thứ ba, thực nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp đã ký có số hợp đồng: 02190093/TCBL ngày 25/09/2002 tại VPCC số 2; số công Ahứng: 028449; Quyền số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD, trường hợp không trả nợ thì yêu cầu tòa án phát mãi tài sản, thu hồi nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thông Ahi nhánh Nhà Bè.

Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu tuyên bố vô hiệu và hủy hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp trái pháp luật số 02190093/TCBL ký ngày 25/9/2002 giữa Ngân hàng X, ông Ngô Công A và Công ty TNHH SX Giày P bởi vì việc thế chấp bảo lãnh căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật, có công Ahứng bằng tài sản thế chấp của Phòng công Ahứng số 2 thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ông Trần Huy Khương trình bày: Trước đây, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 2836/UBND-PCNC ngày 12/6/2013 trình bày ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ kiện, nay đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong văn bản trên.

Đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng X.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện B và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B trình bày: Ủy ban nhân dân huyện B và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B vẫn giữ nguyên các ý kiến tại các văn bản đã gửi đến Tòa án. Ủy ban nhân dân huyện B và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân huyện B và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B sẽ thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa.

Đại diện Chi cục thuế huyện B trình bày: Đại diện Chi cục thuế huyện B vẫn giữ nguyên các ý kiến theo các Văn bản 2450/CCT ngày 26/7/2019 và Văn bản số 2676/CCT ngày 23/8/2019, cụ thể:

Tính đến thời điểm hiện tại, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đã chuyển cho Chi cục Thuế huyện B số tiền 12.814.800.000 đồng (Mười hai tỷ tám trăm mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) theo giấy nộp tiền có số bút toán 193 ngày 24/3/2017 với nội dung chuyển: chuyển kinh phí bồi thường nộp khoản nợ tiền sử dụng đất cho nhà nước đối với Công ty TNHH Sản xuất Giày P – Dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành vào tài khoản 7111.1054218 của Chi cục Thuế huyện B.

Giấy tờ pháp lý liên quan: phiếu chi ngày 24/6/2017 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B; giấy nộp tiền, Quyết định số 49/QĐ-CCT-CCNT ngày 21/3/2016 của Chi cục Thuế huyện B về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ; Văn bản số 2039/CCT-QLN ngày 22/3/2016 về việc thực hiện Quyết định số 49/QĐ-CCT-CCNT ngày 21/3/2016 của Chi cục Thuế huyện B; Văn bản số 838/CCT-TB ngày 03/3/2017 của Chi cục Thuế huyện B về việc cung cấp thông tin tài khoản để thực hiện chuyển tiền vào ngân sách nhà nước.)

Thực hiện các quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chi cục Thuế huyện B căn cứ hồ sơ khai thuế của Công ty TNHH Sản xuất Giày P ký ngày 11/01/2002 và Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao đất cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P để đầu tư xây dựng xưởng sản xuất giày tại xã B huyện B liên quan đến diện tích 32.037m² đất để ban hành thông báo số tiền lệ phí trước bạ phải nộp là 160.185.000 đồng; số tiền sử dụng đất phải nộp là 12.814.800.000 đồng. Do đó, theo Quyết định 8233 thì người sử dụng đất là Công ty TNHH Sản xuất Giày P có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản tiền, lệ phí có liên quan.

Ngoài số tiền theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất, số tiền lệ phí trước bạ phải nộp như trên, Công ty TNHH Sản xuất Giày P còn có nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản tiền phạt và tiền chậm nộp đối với hồ sơ khai thuế, tính thuế trên.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, Chi cục thuế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã B trình bày: Ngày 15/8/2001, Ủy ban nhân dân xã B có xác nhận chữ ký của ông Ngô Công A, vào sổ chứng thực chữ ký năm 2001 của Ủy ban nhân dân xã B số chứng thực 883/2001; ngày tháng năm chứng thực 15/8/2001; Họ tên giấy tờ tùy thân của người yêu cầu chứng thực: Ông Ngô Công A, địa chỉ: C2/29 ấp 3, xã B; mục đích sử dụng: Giấy xác nhận đã bồi hoàn; họ tên người chứng thực: ông Huỳnh Phát Triển, chức vụ Chủ tịch xã.

Ngày 18/9/2001, Ủy ban nhân dân xã B có xác nhận chữ ký của ông Ngô Công A, ông Ngô Cảnh T vào sổ chứng thực chữ ký năm 2001 của Ủy ban nhân dân xã B số chứng thực 1422/2001; ngày tháng năm chứng thực 18/9/2001; Họ tên, giấy tờ tùy thân của người chứng thực: Ngô Công A; mục đích sử dụng: Giấy xác nhận đền bù để bổ túc hồ sơ xin sử dụng đất; họ tên người ký chứng thực ông Ngô Công Minh, chức vụ Phó Chủ tịch xã.

Ủy ban nhân dân xã B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Công ty TNHH giáo dục D trình bày: Chi nhánh Công ty TNHH giáo dục D là Công ty TNHH giáo dục D-Trường Trung học Cơ sở Văn Lang có thuê toàn bộ nhà đất 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 (mất năm 2001) từ năm 2000 đến nay để làm trường học. Công ty không Áó ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng X. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị O trình bày: Về các yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng bà không Áó ý kiến gì. Bà không Áó liên quan đến tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và bị đơn ông Ngô Công A. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông không liên quan đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và bị đơn ông Ngô Công A. Ông không Áó ý kiến về vụ tranh chấp trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Kim H trình bày: Ông không liên quan đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và bị đơn ông Ngô Công A. Ông không Áó ý kiến về vụ tranh chấp trên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị H trình bày: Bà không Áó ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng X. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Ngô Cảnh P có bà Nguyễn Thị U là đại diện trình bày: Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tại Bản án số 731/2015/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2015 với nội dung chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2020/DS-ST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 36, Khoản 2 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 122, 219, 609; 612, 613; 649, 660 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thi, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc yêu cầu chia tiền lãi phát sinh từ số tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Ph rút yêu cầu.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc yêu cầu chia giá trị nhà C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Ph rút yêu cầu.

3. Xác định nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 566.200 USD tương đương với 13.099.037.000 đồng (mười ba tỷ không trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng); Nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 9.140m² tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành là tài sản chung của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3.

4. Xác định di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 là: ½ giá trị nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương với số tiền là 12.120.005.526 đồng (mười hai tỷ một trăm hai mươi triệu không trăm lẻ năm ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng); ½ tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.099.037.000/2 tương đương với 6.549.518.500 (sáu tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám ngàn năm trăm đồng); ½ giá trị đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương với

109.867.603.170 đồng (một trăm lẻ chín tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm lẻ ba ngàn một trăm bảy mươi đồng); ½ tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 9.140m² tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.

5. Xác định các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 là ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T (ông Ngô Cảnh T chết có các ông bà Trần Thị H, bà Dương Thị Thu H2, ông Kevil Ngô Thế V, ông Kieran Ngô Vinh Q, ông Kenneth Ngô Trung C là người thừa kế)

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Ngô Cảnh T (có các ông bà Trần Thị H, bà Dương Thị Thu H2, ông Kevil Ngô Thế V, ông Kieran Ngô Vinh Q, ông Kenneth Ngô Trung C là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) về việc chia thừa kế nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

6.1. Ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/5 suất thừa kế, tương đương 2.424.001.105 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn một trăm lẻ năm đồng).

6.2. Bà Nguyễn Thị Minh Ph được hiện vật là nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.3. Bà Nguyễn Thị Minh Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Công A ½ phần giá trị tài sản của ông Ngô Công A và giá trị 1/5 suất thừa kế ông Ngô Công A được hưởng từ phần di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 tương đương với 14.544.006.631 (mười bốn tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu không trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm ba mươi một đồng).

6.4. Bà Nguyễn Thị Minh Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người giá trị 1/5 suất thừa kế, tương đương với 2.424.001.105 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn một trăm lẻ năm ngàn đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

6.5. Sau khi bà Nguyễn Thị Minh Ph hoàn trả các suất thừa kế nói trên cho ông Ngô Công A và ông Nguyễn Minh L thì bà Nguyễn Thị Minh Ph được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở đối với nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản vẽ hiện trạng ngày 22/7/2009 đã được Phòng quản lý đô thị Quận 5 kiểm tra nội nghiệp ngày 27/7/2009.

6.6. Ngân hàng X có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh Ph toàn bộ giấy tờ của nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc chia tiền cho thuê nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

7.1. Bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/6 suất thừa kế đối với tiền cho thuê nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.549.518.500/6 đồng tương đương với 1.091.586.417 (một tỷ không trăm chín mươi một triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng). Ông Ngô Công A được hưởng 2/6 suất tương đương với 2.183.172.884 (hai tỷ một trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng).

7.2. Ông Ngô Công A có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P và ông Nguyễn Minh L mỗi người 1/6 suất tương đương với 1.091.586.417 (một tỷ không trăm chín mươi một triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam về việc buộc ông Ngô Công A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002. Buộc ông Ngô Công A phải thanh toán cho Ngân hàng X số nợ là 10.128.366.882 (mười tỷ một trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc 2.676.430.000 đồng, nợ lãi là 7.451.936.882 đồng.

8.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 02190093/HĐTD ngày 26/9/2002.

8.2. Số tiền ông Ngô Công A được hưởng sẽ được ưu tiên thanh toán cho khoản nợ của ông Ngô Công A bảo lãnh cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P theo hợp đồng tín dụng số 02190093/HĐTD ngày 26/9/2002 và Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002 của Ngân hàng X.

9. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X về việc phát mãi nhà đất tại 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc tuyên bố vô hiệu và hủy Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số

02190093/TCBL ký ngày 25/09/2002 giữa Ngân hàng X, ông Ngô Công A, Công ty TNHH Sản xuất Giày P.

11. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc huỷ Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc chia thừa kế giá trị đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

12.1. Các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/6 suất di sản thừa kế, tương đương 18.311.267.195 (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng). Ông Ngô Công A được hưởng 2/6 suất thừa kế tương đương 36.622.534.390 (ba mươi sáu tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

12.2. Ông Ngô Công A được ưu tiên nhận hiện vật là đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 bao gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P và ông Nguyễn Minh L mỗi người 1/6 suất thừa kế theo biên bản định giá ngày 27/04/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 của Tòa án tương đương với 18.311.267.195 đồng (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu sau 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Ngô Công A không nhận đất và không thanh toán giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 thì bà Nguyễn Thị Minh Ph được quyền nhận đất và thanh toán 1/2 giá trị sở hữu của ông Ngô Công A và 2/6 giá trị suất thừa kế ông Ngô Công A được hưởng từ phần di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 tương đương với 146.490.137.560 (một trăm bốn mươi sáu tỷ bốn trăm chín mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng); thanh toán cho ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người 1/6 giá trị suất thừa kế tương đương với 18.311.267.195 (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày ông Ngô Công A không nhận đất.

12.3. Sau khi ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph hoàn trả các suất thừa kế nói trên cho bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công A, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T thì ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn phòng Quận 2 - Quận 7) đo vẽ ngày 31/7/2018 và được kiểm tra nội nghiệp vào ngày 01/08/2018 mang tên ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph.

12.4. Trường hợp ông Ngô Công A không nhận đất và bà Nguyễn Thị Minh Ph được nhận đất thì ông Ngô Công A có nghĩa vụ giao toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Minh Ph để bà Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12.5. Nếu sau 90 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà cả ông Ngô Công A và bà Nguyễn Thị Minh Ph đều không nhận đất, không thanh toán giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại thì phát mãi toàn bộ đất tại địa chỉ số C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

12.6. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới đối với phần diện tích 9.140m² đất bị thu hồi tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T được liên hệ với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B nhận số tiền bồi thường hỗ trợ liên quan đến phần đất trên, cụ thể ông Ngô Công A được hưởng 2/6; các ông bà Nguyễn Thị Minh Ph, Ngô Cảnh T, Ngô Cảnh P, Nguyễn Minh L mỗi người được hưởng 1/6 suất. Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

Trường hợp các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ mới của Ủy ban nhân dân huyện B đối với phần diện tích 9.140m² đất bị thu hồi tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án hành chính theo quy định pháp luật.

13. Ghi nhận sự tự nguyện của Chi cục thuế Huyện B là chuyển trả lại số tiền 12.814.800.000 đồng (Mười hai tỷ tám trăm mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) mà Chi cục thuế đã thu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B ngay sau khi bản án có hiệu lực.

14. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh Ph trong trường hợp bà Ph được nhận hiện vật là đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Minh Ph sẽ nhận luôn phần nhà xưởng trên đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T và sẽ trả cho Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T số tiền 2.046.363.950 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi đồng) mà Công ty T đã bỏ ra mua toàn bộ nhà xưởng của Công

ty TNHH Sản xuất Giày P theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 18/2011/HDMB-DTN ngày 25/10/2011. Trong trường hợp này bà Nguyễn Thị Minh Ph sẽ được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu đối với phần nhà xưởng trên nếu phù hợp quy hoạch.

15. Ghi nhận việc ông Ngô Công A đã tạm ứng số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B và sẽ cần trừ khi ông A được nhận sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường mới.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph kháng cáo theo hướng không đồng ý nhận công đóng góp của ông A đối với đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền bồi thường hỗ trợ do thu hồi 9.140m² đất tại địa chỉ trên.

Ngày 31/01/2020 bị đơn ông Ngô Công A kháng cáo một phần bản án không đồng ý chia thừa kế phần đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B vì nhà đất trên đã được ông A, bà H3 bán cho Công ty P vào năm 1998. Không xem xét đến công sức của ông khi chia thừa kế căn nhà 30-32 T là không đúng. Không đồng ý hủy Quyết định 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên di chúc lập ngày 30/7/2010 và chứng nhận lập ngày 02/8/2010 của ông Ngô Công A lập là không hợp pháp.

Ngày 17/01/2020 Ngân hàng X kháng cáo cho rằng bản án không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện của Ngân hàng X rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Các đương sự kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ngân hàng, bác kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo Điều 26, 34, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 là vợ chồng, có 02 người con chung là ông Ngô Cảnh P và ông Ngô Cảnh T. Ngoài ra, bà Phạm Thị H3 còn có 02

con riêng là bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Nguyễn Minh L. Ngày 20/03/2001, bà Phạm Thị H3 qua đời không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H3 là ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P và ông Ngô Cảnh T.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 tạo lập được các tài sản chung là: Nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) và nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Ngô Công A chia thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản trên. Tuy nhiên, phía bị đơn thì cho rằng đối với phần tài sản là nhà đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc Công ty TNHH Sản xuất Giày P nên không đồng ý chia; đối với nhà đất tại số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thì đồng ý chia thừa kế nhưng đề nghị được tính công sức giữ gìn, bảo quản di sản tương đương với 02 suất thừa kế theo pháp luật.

[2.1] Đối với di sản là nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn, Giấy phép kèm theo chứng thư số 230/KT-BT ngày 08/4/1972; Trích sao điền thổ số 1095/TS-TTĐK ngày 05/6/2008 của Trung tâm thông tin Tài nguyên Môi trường và đăng ký nhà đất... xác định nhà đất tại số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3. Ngày 20/3/2001, bà Phạm Thị H3 chết không để lại di chúc, ông Ngô Công A thực hiện việc khai di sản thừa kế. Tại Tờ tường trình về quan hệ nhân thân lập ngày 21/05/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 5 xác nhận và tại Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 24/05/2001 thể hiện ông Ngô Công A khai trình những người thừa kế của bà Phạm Thị H3 chỉ có ông Ngô Công A (là chồng) và ông Ngô Cảnh T (là con duy nhất của bà Phạm Thị H3). Trên cơ sở đó, ngày 25/09/2002 ông Ngô Công A ký Hợp đồng bảo lãnh thế chấp bằng tài sản là nhà đất tại số 30-32 T để làm bảo đảm cho khoản vay 3.500.000.000 đồng của Công ty TNHH Sản xuất Giày P theo Hợp đồng tín dụng số 02190093 ký ngày 26/09/2002 giữa Công ty TNHH Sản xuất Giày P và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Nhà Bè. Qua các chứng cứ thể hiện nhà đất tại số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh không phải là tài sản riêng của ông Ngô Công A mà là tài sản chung của ông A và bà Phạm Thị H3. Bà Phạm Thị H3 chết thì phần tài sản của bà H3 trong khối tài sản chung của ông A, bà H3 trở thành di sản thừa kế được phân chia theo pháp luật. Việc ông A tự mình ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng số 02190093 ngày 26/09/2002 giữa Công ty TNHH Sản xuất Giày P và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Nhà Bè mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của bà H3 gồm ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 233 Bộ

luật dân sự năm 2005 khi định đoạt tài sản chung. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng thế chấp nêu trên không đúng pháp luật nên xét xử vô hiệu Hợp đồng bảo lãnh số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002 là đúng quy định pháp luật như đã viện dẫn ở trên.

Theo Biên bản định giá ngày 27/04/2018 thì nhà đất tại số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 24.240.011.052 đồng. Di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà đất 30-32 T tương đương với số tiền 12.120.005.526 đồng. Những người thừa kế của bà Phạm Thị H3 là ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng một $\frac{1}{5}$ giá trị phần thừa kế của bà Phạm Thị H3, tương đương số tiền là 2.424.001.105 đồng.

Ông Ngô Công A kháng cáo yêu cầu được tính công sức bằng 02 suất thừa kế theo luật đối với nhà đất trên, nhưng ông A không chứng minh được phần công sức của mình trong việc giữ gìn, bảo quản nhà đất này, bởi vì sau khi bà H3 chết, ông A không còn ở trên căn nhà mà cho người khác thuê, tiền thuê nhà do ông A thụ hưởng. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về tính công sức cho ông A như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là đúng.

Về yêu cầu chia tiền cho thuê căn nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh:

Đây là lợi tức phát sinh trên cơ sở di sản chưa chia của bà H3. Do đó, Bản án sơ thẩm trên cơ sở của Hợp đồng thuê nhà đã ký giữa ông Ngô Công A với Công ty TNHH giáo dục D – Trường THCS Văn Lang chấp nhận chia phần lợi tức cho các đồng thừa kế của bà H3 là đúng quy định. Do ông A là người trực tiếp đứng ra ký hợp đồng cho thuê nên ông A được hưởng thêm 01 suất thừa kế là phù hợp.

[2.2] Đối với di sản nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét thấy, theo Bảng khoán điền thổ số 122 thuộc sổ điền thổ Bình Chánh trước năm 1975. Năm 1986, ông A – bà H3 đã mang một phần nhà đất tại C2/29 nêu trên để góp vốn với Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 141/QĐ-UB ngày 02/10/1986 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1996, ông A và bà H3 đã hoàn tất các thủ tục mua lại toàn bộ phần nhà xưởng của Công ty Lương thực Thành phố trên phần đất mà ông A, bà H3 đã góp vốn trước đây theo Quyết định số 2606; Biên bản bàn giao ngày 18/11/1996 và hóa đơn số 12762 ngày 20/11/1996 và trong toàn bộ 40.478m² thì có 9.747 m² đất (gồm thửa số 10, 11, 12) tại C2/29 ấp 3, xã B, huyện B bà Phạm Thị H3 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 940/QSĐĐ ngày 12/12/1998. Phần còn lại của 40.478m² là đất thổ tập trung nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ xác định nhà đất tại địa chỉ C2/29 ấp 3, xã B, huyện B là tài sản chung của ông A, bà H3. Do bà H3 qua đời không để lại di chúc nên thừa kế của bà H3 chia theo pháp luật.

Về kháng cáo ông Ngô Công A không đồng ý chia phần thừa kế phần đất tại C2/29 ấp 3, xã B, huyện B vì ông cho rằng nhà đất đã được ông và bà H3 bán lại cho công ty P vào năm 1998. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trên cơ sở hồ sơ đền bù không của ông Ngô Công A thì ngày 06/12/2001 UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 8233/QĐ-UB nhằm thu hồi toàn bộ nhà đất (40.478m²) để giao cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P sử dụng 32.037 m² + 8.441 m² làm đường giao thông. Quá trình giải quyết vụ án, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 3014/TNMT-QSHĐĐ ngày 24/5/2010 và UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 2863/UBND-PCNC ngày 12/6/2013 trả lời cho Tòa án cũng như lời khai của đại diện UBND Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa sơ thẩm thì UBND Thành phố ban hành Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 là *“dựa trên cơ sở hồ sơ đền bù của Công ty TNHH Sản xuất Giày P đã nộp, trong quá trình xét xử, nếu Tòa án xét thấy việc UBND xã B xác nhận ông Ngô Cảnh T là con duy nhất của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 là không đúng, gây ảnh hưởng đến Quyết định 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của UBND Thành phố thì UBND Thành phố sẽ ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định này theo quy định khi Bản án của Tòa án có hiệu lực thì hành”*. Như vậy, ông Ngô Công A tự ý tiến hành các thủ tục thừa kế không đúng, dẫn đến thủ tục đề nghị Nhà nước ban hành Quyết định giao đất cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P không phải ông A, bà H3 đã chuyển nhượng phần nhà đất trên cho công ty P, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là di sản thừa kế của bà H3, đồng thời hủy Quyết định số 8233 là phù hợp theo Điều 20 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 34 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Như vậy di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 là ½ giá trị đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền là 109.867.603.170 đồng.

Theo lời trình bày của ông Ngô Công A và các đương sự khác thì ông A là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Án lệ số 05/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì ông A được hưởng thêm 01 suất thừa kế tương ứng với công sức của ông A. Như vậy, di sản của bà Phạm Thị H3 được chia thành 6 phần: Bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/6 suất, tương đương 18.311.267.195 đồng. Ông Ngô Công A được hưởng 2/6 suất, tương đương 36.622.534.390 đồng.

Bà Ph kháng cáo không đồng ý cho ông A được hưởng thêm 01 suất thừa kế đối với phần di sản này như đã phân tích là không Aó căn cứ để chấp nhận.

Ông Ngô Công A được ưu tiên nhận hiện vật là đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 bao gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P và ông Nguyễn Minh L mỗi người giá trị 1/6 suất

thừa kế theo biên bản định giá ngày 27/04/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 của Tòa án là 18.311.267.195 đồng (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) là phù hợp.

Về yêu cầu chia số tiền bồi thường do thu hồi 9.140m² đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B:

Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý chia cho ông A thêm 01 suất thừa kế đối với tiền bồi thường trên. Xét thấy, Quyết định bồi thường số 12167/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định số 7964/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 về hỗ trợ bổ sung đối với Công ty TNHH Sản xuất Giày P của Ủy ban nhân dân huyện B và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1111/TB-CCT ngày 22/7/2008 của Chi cục thuế huyện B đều căn cứ vào Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để áp giá bồi thường và tính tiền thuế sử dụng đất cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P. Như nhận định ở trên do hủy Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố, xác định nhà đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3 do vậy trong trường hợp phải ban hành quyết định bồi thường theo đơn giá đất mới thì ông Ngô Công A được hưởng 1/2 giá trị tiền bồi thường, 1/2 còn lại là di sản của bà Phạm Thị H3 được chia làm 6 suất, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P, ông Nguyễn Minh L mỗi người được hưởng 1 suất, ông A được 2 suất do ông A có công quản lý di sản như phân tích ở trên là phù hợp.

Đối với giá trị nhà xưởng tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T (gọi tắt là Công ty T): Đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1090/QĐKDTMST ngày 06/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự không kháng cáo về phần này nên Tòa án không xem xét.

[2.3] *Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng X:*

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ngân hàng.

[2.4] Ông Ngô Công A kháng cáo cho rằng “Di chúc lập ngày 30/7/2010 và chứng nhận ngày 02/8/2010 của ông Ngô Cảnh T là không hợp pháp”. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông A không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án được giữ nguyên nên Ngân hàng X phải chịu. Ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I/ Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng X.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công A.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Áp dụng Điều 34, khoản 3 Điều 35, Điều 36, Khoản 2 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 122, 219, 609; 612, 613; 649, 660 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thi, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc yêu cầu chia tiền lãi phát sinh từ số tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Ph rút yêu cầu.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc yêu cầu chia giá trị nhà C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Ph rút yêu cầu.

3. Xác định nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 566.200 USD tương đương với 13.099.037.000 đồng (mười ba tỷ không trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng); Nhà đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 9.140m² tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành là tài sản chung của ông Ngô Công A và bà Phạm Thị H3.

4. Xác định di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 là: ½ giá trị nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương với số tiền là 12.120.005.526 đồng (mười hai tỷ một trăm hai mươi triệu không trăm lẻ năm ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng); ½ tiền cho thuê nhà 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.099.037.000/2 tương đương với 6.549.518.500 (sáu tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám ngàn năm trăm đồng); ½ giá trị đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương với 109.867.603.170 đồng (một trăm lẻ chín tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm lẻ ba ngàn một trăm bảy mươi đồng); ½ tiền bồi thường, hỗ trợ đối với

phần diện tích 9.140m² tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.

5. Xác định các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 là ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T (ông Ngô Cảnh T chết có các ông bà Trần Thị H, bà Dương Thị Thu H2, ông Kevil Ngô Thế V, ông Kieran Ngô Vinh Q, ông Kenneth Ngô Trung C là người thừa kế)

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Ngô Cảnh T (có các ông bà Trần Thị H, bà Dương Thị Thu H2, ông Kevil Ngô Thế V, ông Kieran Ngô Vinh Q, ông Kenneth Ngô Trung C là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) về việc chia thừa kế nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

6.1. Ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/5 suất thừa kế, tương đương 2.424.001.105 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn một trăm lẻ năm đồng).

6.2. Bà Nguyễn Thị Minh Ph được hiện vật là nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.3. Bà Nguyễn Thị Minh Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Công A ½ phần giá trị tài sản của ông Ngô Công A và giá trị 1/5 suất thừa kế ông Ngô Công A được hưởng từ phần di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 tương đương với 14.544.006.631 (mười bốn tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu không trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm ba mươi một đồng).

6.4. Bà Nguyễn Thị Minh Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người giá trị 1/5 suất thừa kế, tương đương với 2.424.001.105 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn một trăm lẻ năm ngàn đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

6.5. Sau khi bà Nguyễn Thị Minh Ph hoàn trả các suất thừa kế nói trên cho ông Ngô Công A và ông Nguyễn Minh L thì bà Nguyễn Thị Minh Ph được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở đối với nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản vẽ hiện trạng ngày 22/7/2009 đã được Phòng quản lý đô thị Quận 5 kiểm tra nội nghiệp ngày 27/7/2009.

6.6. Ngân hàng X có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh Ph toàn bộ giấy tờ của nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc chia tiền cho thuê nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

7.1. Bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/6 suất thừa kế đối với tiền cho thuê nhà đất số 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.549.518.500/6 đồng tương đương với 1.091.586.417 (một tỷ không trăm chín mươi một triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng). Ông Ngô Công A được hưởng 2/6 suất tương đương với 2.183.172.884 (hai tỷ một trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng).

7.2. Ông Ngô Công A có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P và ông Nguyễn Minh L mỗi người 1/6 suất tương đương với 1.091.586.417 (một tỷ không trăm chín mươi một triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X về việc buộc ông Ngô Công A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002. Buộc ông Ngô Công A phải thanh toán cho Ngân hàng X số nợ là 10.128.366.882 (mười tỷ một trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc 2.676.430.000 đồng, nợ lãi là 7.451.936.882 đồng.

8.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 02190093/HĐTD ngày 26/9/2002.

8.2. Số tiền ông Ngô Công A được hưởng sẽ được ưu tiên thanh toán cho khoản nợ của ông Ngô Công A bảo lãnh cho Công ty TNHH Sản xuất Giày P theo hợp đồng tín dụng số 02190093/HĐTD ngày 26/9/2002 và Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ngày 25/09/2002 của Ngân hàng X.

9. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X về việc phát mãi nhà đất tại 30-32 T, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc tuyên bố vô hiệu và hủy Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số 02190093/TCBL ký ngày 25/09/2002 giữa Ngân hàng X, ông Ngô Công A, Công ty TNHH Sản xuất Giày P.

11. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc huỷ Quyết định số 8233/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph về việc chia thừa kế giá trị đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

12.1. Các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người được hưởng 1/6 suất di sản thừa kế, tương đương 18.311.267.195 (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng). Ông Ngô Công A được hưởng 2/6 suất thừa kế tương đương 36.622.534.390 (ba mươi sáu tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi đồng). Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

12.2. Ông Ngô Công A được ưu tiên nhận hiện vật là đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 bao gồm bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Cảnh T, ông Ngô Cảnh P và ông Nguyễn Minh L mỗi người 1/6 suất thừa kế theo biên bản định giá ngày 27/04/2018 và biên bản làm việc ngày 20/11/2018 của Tòa án tương đương với 18.311.267.195 đồng (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu sau 45 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Ngô Công A không nhận đất và không thanh toán giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 thì bà Nguyễn Thị Minh Ph được quyền nhận đất và thanh toán 1/2 giá trị sở hữu của ông Ngô Công A và 2/6 giá trị suất thừa kế ông Ngô Công A được hưởng từ phần di sản thừa kế của bà Phạm Thị H3 tương đương với 146.490.137.560 (một trăm bốn mươi sáu tỷ bốn trăm chín mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng); thanh toán cho ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T mỗi người 1/6 giá trị suất thừa kế tương đương với 18.311.267.195 (mười tám tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày ông Ngô Công A không nhận đất.

12.3. Sau khi ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph hoàn trả các suất thừa kế nói trên cho bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công A, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T thì ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Văn phòng Quận 2 - Quận 7) đo vẽ ngày 31/7/2018 và được kiểm

tra nội nghiệp vào ngày 01/08/2018 mang tên ông Ngô Công A hoặc bà Nguyễn Thị Minh Ph.

12.4. Trường hợp ông Ngô Công A không nhận đất và bà Nguyễn Thị Minh Ph được nhận đất thì ông Ngô Công A có nghĩa vụ giao toàn bộ bản chính giấy tờ nhà đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Minh Ph để bà Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12.5. Nếu sau 90 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà cả ông Ngô Công A và bà Nguyễn Thị Minh Ph đều không nhận đất, không thanh toán giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại thì phát mãi toàn bộ đất tại địa chỉ số C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

12.6. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới đối với phần diện tích 9.140m² đất bị thu hồi tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L, ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T được liên hệ với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B nhận số tiền bồi thường hỗ trợ liên quan đến phần đất trên, cụ thể ông Ngô Công A được hưởng 2/6; các ông bà Nguyễn Thị Minh Ph, Ngô Cảnh T, Ngô Cảnh P, Nguyễn Minh L mỗi người được hưởng 1/6 suất. Giá trị phần thừa kế của ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T sẽ do bà Nguyễn Thị Minh Ph nhận và quản lý theo Giấy ủy quyền của ông Ngô Cảnh P được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2011 và theo di chúc ngày 30/7/2010 của ông Ngô Cảnh T.

Trường hợp các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H3 không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ mới của Ủy ban nhân dân huyện B đối với phần diện tích 9.140m² đất bị thu hồi tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án hành chính theo quy định pháp luật.

13. Ghi nhận sự tự nguyện của Chi cục thuế huyện B là chuyển trả lại số tiền 12.814.800.000 đồng (Mười hai tỷ tám trăm mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) mà Chi cục thuế đã thu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B ngay sau khi bản án có hiệu lực.

14. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh Ph trong trường hợp bà Ph được nhận hiện vật là đất tại địa chỉ C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Minh Ph sẽ nhận luôn phần nhà xưởng trên đất tại C2/29 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T và sẽ trả cho Công ty TNHH Thương mại chế biến xuất nhập khẩu T số tiền 2.046.363.950 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi đồng) mà Công ty T đã bỏ ra mua toàn bộ nhà xưởng của Công ty TNHH Sản xuất Giày P theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số

18/2011/HDMB-DTN ngày 25/10/2011. Trong trường hợp này bà Nguyễn Thị Minh Ph sẽ được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu đối với phần nhà xưởng trên nếu phù hợp quy hoạch.

15. Ghi nhận việc ông Ngô Công A đã tạm ứng số tiền 5.000.00.000 đồng (năm tỷ đồng) của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B và sẽ cân trừ khi ông A được nhận sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường mới.

16. Án phí dân sự sơ thẩm:

16.1. Bà Nguyễn Thị Minh Ph được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Minh Ph 42.411.097 (bốn mươi hai triệu bốn trăm mười một ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 004053 ngày 09/01/2008; 00934 ngày 21/2/2012; 0048932 ngày 09/3/2018; 0024617 ngày 30/9/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

16.2. Ông Ngô Công A được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

16.3. Ông Ngô Cảnh P, ông Ngô Cảnh T, ông Nguyễn Minh L mỗi người phải chịu 129.826.855 (một trăm hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Minh Ph có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Cảnh T và ông Ngô Cảnh P.

16.4. Ngân hàng X không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng X 58.844.475 (năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0045972 ngày 08/01/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Công A, bà Nguyễn Thị Minh Ph được miễn án phí phúc thẩm; Hoàn lại số tiền 300.000 đồng cho bà Ph theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045611 ngày 11/02/2020 (do ông Phạm Huy Khoát nộp hộ bà Ph) tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại số tiền 300.000 đồng cho ông Ngô Công A theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0045598 ngày 07/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Ngân hàng X phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0045608 ngày 10/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên